

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

đã được soát xét



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	5 – 36
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 36



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Công ty Cổ phần Alphanam E&C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Alphanam E&C (trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện) tiền thân là Công ty TNHH Alphanam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051581 ngày 17 tháng 8 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH sang hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103014620 ngày 17 tháng 11 năm 2006, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện thành Công ty Cổ phần Alphanam E&C theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 ngày 10 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100520683 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm:

- Xây dựng và lắp đặt các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, đô thị;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).
- Các ngành nghề kinh doanh khác đã quy định cụ thể tại Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Nhật	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Anh Quân	Thành viên HĐQT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Trương Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc	
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Hải Yến	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ ngày 01/4/2023
Ông Nguyễn Văn Trường	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm từ ngày 01/4/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – chi nhánh phía Bắc (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2023

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trương Thị Thu Hiền

Số: 415./2023/BCSX/AASCN.PB

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Alphanam E&C được lập ngày 14 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Alphanam E&C chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Công ty Cổ phần Alphanam E&C đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 này.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2023

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc**

Giám đốc



Phạm Văn Cường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2922-2019-152-1

The North Branch

LK7-TT2, 96B Nguyễn Huy Tuông, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: (84-24) 3994 7969 / Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namvietpb.vn

Headquarters

29 Hoàng Sa Str., Dist.1, Hochiminh City
Tel: (84-28) 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.934.527.407.992	2.065.307.834.040
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	19.174.516.681	34.969.766.460
1.	Tiền	111		17.837.590.628	34.969.766.460
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1.336.926.053	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.225.636.037.441	1.115.533.876.193
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	543.497.229.721	426.069.930.467
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	85.473.495.637	681.927.965.857
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	1.272.000.000	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	601.937.867.723	14.080.535.509
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(6.544.555.640)	(6.544.555.640)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	682.942.924.939	879.905.486.436
1.	Hàng tồn kho	141		682.942.924.939	879.905.486.436
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		6.773.928.931	34.898.704.951
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	1.400.017.384	2.180.929.644
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.373.911.547	32.717.775.307
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		79.813.448.290	79.946.874.035
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03	-	-
II.	Tài sản cố định	220		17.858.696.265	16.656.591.042
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	17.657.237.006	16.393.799.643
	- Nguyên giá	222		43.831.353.315	40.596.323.685
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(26.174.116.309)	(24.202.524.042)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	201.459.259	262.791.399
	- Nguyên giá	228		1.051.687.851	1.051.687.851
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(850.228.592)	(788.896.452)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		61.954.752.025	63.290.282.993
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	61.954.752.025	63.290.282.993
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.014.340.856.282	2.145.254.708.075

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.241.014.800.115	1.379.554.863.704
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.241.014.800.115	1.379.554.863.704
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	524.123.851.267	624.531.219.307
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	94.910.678.828	158.148.715.064
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	7.930.691.158	6.099.909.128
4.	Phải trả người lao động	314		9.063.222.852	6.170.279.599
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	8.690.237.695	3.350.763.439
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	5.747.321.672	1.269.920.141
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	8.355.710.604	6.537.177.620
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	582.193.086.039	573.446.879.406
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		773.326.056.167	765.699.844.371
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	773.326.056.167	765.699.844.371
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		652.000.000.000	652.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		652.000.000.000	652.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		(194.400.000)	(194.400.000)
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		840.866.910	840.866.910
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		120.679.589.257	113.053.377.461
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		113.053.377.461	92.207.697.344
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		7.626.211.796	20.845.680.117
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.014.340.856.282	2.145.254.708.075

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thị Thúy Hà

Nguyễn Hải Yến

Trương Thị Thu Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	836.029.674.562	1.508.895.173.281
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		836.029.674.562	1.508.895.173.281
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	782.453.017.537	1.444.469.198.321
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.576.657.025	64.425.974.960
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	794.701.031	22.885.769
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	30.354.810.851	31.698.632.351
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		30.338.491.070	31.698.632.351
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	14.104.008.036	16.758.665.166
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.912.539.169	15.991.563.212
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	100.144.647	16.716.771
12.	Chi phí khác	32	VI.06	137.439.992	1.081.777
13.	Lợi nhuận khác	40		(37.295.345)	15.634.994
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.875.243.824	16.007.198.206
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	2.249.032.028	3.299.111.034
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		7.626.211.796	12.708.087.172
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	117	399
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	117	399

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu



Bùi Thị Thúy Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Yên

Trưởng Giám đốc



Trương Thị Thu Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		9.875.243.824	16.007.198.206
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.032.924.407	1.461.209.619
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(133.160.528)	(22.885.769)
-	Chi phí lãi vay	06		30.338.491.070	31.698.632.351
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		42.113.498.773	49.144.154.407
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(81.508.579.650)	(697.134.881.488)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		196.962.561.497	12.492.594.822
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(148.483.649.681)	345.595.264.921
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.116.443.228	3.272.877.683
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(30.660.943.639)	(30.665.579.759)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.000.000.000)	(5.655.445.514)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.060.294.231
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(20.460.669.472)	(321.890.720.697)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.964.229.630)	-
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.400.000.000)	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.128.000.000	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		155.442.690	9.496.268
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(4.080.786.940)	9.496.268

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	400.000.000.000
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		343.824.144.332	443.671.871.514
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(335.077.937.699)	(524.385.459.249)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(731.657.166)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.746.206.633	318.554.755.099
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(15.795.249.779)	(3.326.469.330)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		34.969.766.460	25.436.013.725
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		19.174.516.681	22.109.544.395

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thị Thúy Hà

Nguyễn Hải Yến

Trương Thị Thu Hiền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm:

- Xây dựng và lắp đặt các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, đô thị;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).
- Các ngành nghề kinh doanh khác đã quy định cụ thể tại Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 181 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 170 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê văn phòng.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có quyết định hoặc thông báo trả cổ tức được chia cho các cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu kinh doanh bất động sản của Công ty là doanh thu cho thuê Bất động sản đầu tư được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định đáng tin cậy. Trường hợp cho thuê bất động sản đầu tư có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ thì việc ghi nhận doanh thu được thực hiện theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê. Việc ghi nhận doanh thu kinh doanh bất động sản phải đảm bảo thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cho thuê bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch cho thuê bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn, phí Upas LC và lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ.

Khoản chi phí tài chính trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền	17.837.590.628	34.969.766.460
+ Tiền mặt	62.988.386	9.437.438
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.774.602.242	34.960.329.022
+ Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền (*)	1.336.926.053	-
Cộng	19.174.516.681	34.969.766.460

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín, lãi suất 5,5%/năm.

02. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	543.497.229.721	426.069.930.467
- Công ty cổ phần Delta Việt Nam	392.087.168.351	202.665.692.094
- Ban QLDA các Công trình điện miền Nam - Chi nhánh TCT truyền tải điện Quốc Gia	30.920.970.843	47.906.601.445
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung - Tổng công ty truyền tải điện quốc gia	21.817.874.639	107.704.809.689
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	98.671.215.888	67.792.827.239
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	543.497.229.721	426.069.930.467

03. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	85.473.495.637	681.927.965.857
- Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Hà Tây	-	449.600.000.000
- Công ty cổ phần Foodinco Quy Nhơn	-	128.210.814.183
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	85.473.495.637	104.117.151.674
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	85.473.495.637	681.927.965.857

04. Phải thu về cho vay

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.272.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Hà Minh Anh	1.272.000.000	-	-	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.272.000.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	601.937.867.723	-	14.080.535.509	-
- Tạm ứng	253.413.026	-	201.157.438	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.625.280.000	-	13.563.800.000	-
+ Tiền gửi thế chấp (*)	10.513.800.000	-	10.513.800.000	-
+ Các khoản khác	3.111.480.000	-	3.050.000.000	-
- Phải thu khác	588.059.174.697	-	315.578.071	-
+ Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Hà Tây (**)	449.600.000.000	-	-	-
+ Công ty cổ phần Foodinco Quy Nhơn (**)	124.782.742.247	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á (**)	13.640.000.000	-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	36.432.450	-	315.578.071	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	601.937.867.723	-	14.080.535.509	-

(*): Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng First Commercial Bank - chi nhánh Thành phố Hà Nội, lãi suất 1,1 %/năm được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng First Commercial Bank - chi nhánh Thành phố Hà Nội.

(**): Là các khoản trả trước cho người bán về thực hiện hợp đồng thi công xây dựng, nhưng đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, những hợp đồng này không còn thực hiện và đã thanh lý hợp đồng.

06. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Hạ tầng cấp nước Sông Đà - VINACONEX	1.385.095.467	-	1.385.095.467	-
Công ty TNHH Xây dựng Cao Bang - Đài Loan	1.037.788.000	-	1.037.788.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa Long	680.000.000	-	680.000.000	-
Công ty Cổ phần Contrexim Hồng Hà	651.420.000	-	651.420.000	-
Đối tượng khác	2.790.252.173	-	2.790.252.173	-
Cộng	6.544.555.640	-	6.544.555.640	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ, dụng cụ	192.807.530	-	204.086.799	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	682.750.117.409	-	699.110.461.954	-
- Hàng hoá	-	-	180.590.937.683	-
Cộng	682.942.924.939	-	879.905.486.436	-

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.078.509.040</i>	<i>6.464.253.320</i>	<i>29.762.275.926</i>	<i>3.291.285.399</i>	<i>40.596.323.685</i>
- Mua trong kỳ	-	2.610.029.630	-	625.000.000	3.235.029.630
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>1.078.509.040</i>	<i>9.074.282.950</i>	<i>29.762.275.926</i>	<i>3.916.285.399</i>	<i>43.831.353.315</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.078.509.040</i>	<i>4.573.862.402</i>	<i>15.381.679.374</i>	<i>3.168.473.226</i>	<i>24.202.524.042</i>
- Khấu hao trong kỳ	-	498.982.409	1.401.888.390	70.721.468	1.971.592.267
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>1.078.509.040</i>	<i>5.072.844.811</i>	<i>16.783.567.764</i>	<i>3.239.194.694</i>	<i>26.174.116.309</i>
III. Giá trị còn lại					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>-</i>	<i>1.890.390.918</i>	<i>14.380.596.552</i>	<i>122.812.173</i>	<i>16.393.799.643</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>-</i>	<i>4.001.438.139</i>	<i>12.978.708.162</i>	<i>677.090.705</i>	<i>17.657.237.006</i>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 13.510.001.554 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.051.687.851</i>	<i>1.051.687.851</i>
- Mua trong kỳ	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>1.051.687.851</i>	<i>1.051.687.851</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>788.896.452</i>	<i>788.896.452</i>
- Khấu hao trong kỳ	61.332.140	61.332.140
- Tăng khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>850.228.592</i>	<i>850.228.592</i>
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>262.791.399</i>	<i>262.791.399</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>201.459.259</i>	<i>201.459.259</i>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 337.480.000 đồng.

10. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	1.400.017.384	2.180.929.644
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng	565.429.912	679.826.025
- Chi phí bảo hiểm	188.581.350	383.158.465
- Chi phí phần mềm	134.109.560	297.725.928
- Chi phí thuê nhà cho công nhân, BQL dự án	118.701.075	108.700.000
- Chi phí sửa chữa	349.927.068	450.005.423
- Chi phí tuyển dụng	18.040.695	127.865.401
- Các khoản khác	25.227.724	133.648.402
b. Dài hạn	61.954.752.025	63.290.282.993
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng	2.065.475.337	1.636.851.324
- Chi phí thuê sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower ^(a)	38.706.060.730	39.187.878.910
- Chi phí thuê sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower ^(b)	18.987.878.834	19.224.242.468
- Thuê văn phòng 96 Định Công ^(c)	1.862.563.233	1.931.012.433
- Chi phí sửa chữa	167.130.089	51.098.709
- Chi phí phần mềm	142.611.931	328.827.074
- Các khoản khác	23.031.871	930.372.075
Cộng	63.354.769.409	65.471.212.637

(a) Là chi phí thuê 2.081,7 m² sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 48.181.818.182 đồng.

(b) Là chi phí thuê 1.112,7 m² sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 23.636.363.636 đồng.

(c) Là chi phí thuê 1.782,70 m² toàn bộ tầng hầm thuộc tòa nhà B số 96 Định Công trong thời hạn từ ngày 06 tháng 6 năm 2015 đến hết ngày 26 tháng 7 năm 2064.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	573.446.879.406	573.446.879.406	343.824.144.332	335.077.937.699	582.193.086.039	582.193.086.039
- Vay ngân hàng	573.046.879.406	573.046.879.406	343.824.144.332	334.677.937.699	582.193.086.039	582.193.086.039
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình (a)	247.387.769.207	247.387.769.207	32.004.666.763	32.044.933.306	247.347.502.664	247.347.502.664
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (b)	24.973.651.701	24.973.651.701	32.471.922.914	32.447.545.895	24.998.028.720	24.998.028.720
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm (c)	30.000.000.000	30.000.000.000	21.772.600.715	17.000.000.000	34.772.600.715	34.772.600.715
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh (d)	132.381.869.995	132.381.869.995	114.860.769.895	114.881.869.995	132.360.769.895	132.360.769.895
+ Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Hà Nội (e)	35.046.000.000	35.046.000.000	35.045.861.666	35.046.000.000	35.045.861.666	35.045.861.666
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thăng Long (f)	103.257.588.503	103.257.588.503	103.247.322.379	103.257.588.503	103.247.322.379	103.247.322.379
+ Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Sở Giao dịch (g)	-	-	4.421.000.000	-	4.421.000.000	4.421.000.000
- Vay đối tượng khác	400.000.000	400.000.000	-	400.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Bất Động Sản Hoa Anh Đào	400.000.000	400.000.000	-	400.000.000	-	-
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	573.446.879.406	573.446.879.406	343.824.144.332	335.077.937.699	582.193.086.039	582.193.086.039

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 24/2023/HDHM-PN/SHB.111100 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công, cung cấp lắp đặt hệ thống cơ điện và hoạt động điện lực và hoạt động xây dựng của khách hàng. Hạn mức tín dụng là 500.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức cho vay là 300.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh là 200.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng. Lãi suất vay là 13,0% - 14,8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của bên thứ ba.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng cấp tín dụng số 01/2022/VCBTX-EC ngày 07 tháng 10 năm 2022, mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Hạn mức tín dụng là 25.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày ký hợp đồng cho đến hết ngày 27 tháng 8 năm 2023. Lãi suất vay là 7,0% - 8,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản thuộc quyền sở hữu của bên thứ ba.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng cấp tín dụng số 145652.23.057.252308.TD ngày 05 ngày 7 tháng 2023, mục đích để bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây lắp điện của Công ty. Hạn mức tín dụng là 24.500.000.000 đồng, trong đó: Hạn mức cho vay và hạn mức bảo lãnh thanh toán là 45.000.000.000 đồng. Lãi suất vay là 5,5% – 11,88%/năm. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày ký hợp đồng cho đến hết ngày 27 tháng 8 năm 2023. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của bên thứ ba.
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ngọc Khánh theo hợp đồng cấp tín dụng số 01/2023/408/HĐTD ngày 05 tháng 5 năm 2023, mục đích là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Hạn mức 118.000.000.000 đồng Thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay là 5,6% - 8,7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba.
- (e) Khoản vay Ngân hàng Frist Commercial Bank – Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cấp tín dụng số 30220043 ngày 07 tháng 6 năm 2022, mục đích là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động mua nội địa nguyên vật liệu, hàng hóa nhằm mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty. Hạn mức cho vay là 35.046.000.000 đồng. Thời hạn tín dụng là 01 năm (từ ngày 31 tháng 5 năm 2022). Lãi suất cho vay từ 7,0% - 7,25%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bảo lãnh cá nhân và khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị bằng 30% của số tiền ngân hàng đã giải ngân tại Ngân hàng Frist Commercial Bank – Chi nhánh Thành phố Hà Nội.
- (f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số 20222656375 ngày 22/06/2022 và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung, mục đích là để bổ sung vốn lưu động, mở L/C, bảo lãnh. Hạn mức 107.000.000.000 đồng Thời hạn 1 năm Lãi suất vay là 11,6% - 13,8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba.
- (g) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Sở Giao dịch theo hợp đồng số Hợp đồng tín dụng nguyên tác số 0002-2023-HDDTD1-BVB005 ngày 28 tháng 02 năm 2023, mục đích là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giới hạn tín dụng là 100.000.000.000 đồng, trong đó: Hạn mức cho vay tối đa là 100.000.000.000 đồng và Hạn mức cấp bảo lãnh tối đa là 40.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì giới hạn tín dụng tối đa là 12 tháng từ ngày ký (nhưng không quá 13 tháng kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2022). Lãi suất vay là 12,6% - 13,8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của bên thứ ba.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	524.123.851.267	524.123.851.267	624.531.219.307	624.531.219.307
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ Delta-V	95.103.706.074	95.103.706.074	92.739.576.953	92.739.576.953
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật SIGMA	66.632.694.552	66.632.694.552	72.441.629.952	72.441.629.952
- Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	52.527.989.955	52.527.989.955	53.586.860.357	53.586.860.357
- Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vương Thái Sơn	24.766.287.805	24.766.287.805	77.315.042.339	77.315.042.339
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	285.093.172.881	285.093.172.881	328.448.109.706	328.448.109.706
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	524.123.851.267	524.123.851.267	624.531.219.307	624.531.219.307

13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	94.910.678.828
- Công ty cổ phần Beda T&C	54.261.510.402	53.914.129.252
- Công ty Cổ phần Bất Động Sản Hoa Anh Đào	28.295.219.810	73.823.219.810
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	395.245.131	17.031.991.202
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	11.958.703.485	13.379.374.800
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
Cộng	94.910.678.828	158.148.715.064

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.885.107.437	1.885.107.437	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	89.452.161	89.452.161	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.445.806.489	2.249.032.028	1.000.000.000	-	6.694.838.517
- Thuế thu nhập cá nhân	-	654.102.639	1.536.878.244	955.128.242	-	1.235.852.641
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	6.099.909.128	5.763.469.870	3.932.687.840	-	7.930.691.158

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	8.690.237.695	3.350.763.439
- Chi phí lãi vay	928.010.193	1.243.887.420
- Các khoản trích trước khác	7.762.227.502	2.106.876.019
b. Dài hạn	-	-
Cộng	8.690.237.695	3.350.763.439

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	8.355.710.604	6.537.177.620
- Kinh phí công đoàn	81.559.480	1.892.645.741
- Bảo hiểm xã hội	194.718.625	-
- Bảo hiểm y tế	35.724.020	514.085
- Bảo hiểm thất nghiệp	15.265.240	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.243.288.414	3.791.600.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.785.154.825	852.417.794
+ Công ty Cổ phần Thương mại FUJIALPHA	1.255.300.000	-
+ Các đối tượng khác	529.854.825	852.417.794
b. Dài hạn	-	-
Cộng	8.355.710.604	6.537.177.620

17. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	5.747.321.672	1.269.920.141
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	5.747.321.672	1.269.920.141
b. Dài hạn	-	-
Cộng	5.747.321.672	1.269.920.141

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	252.000.000.000	-	840.866.910	92.207.697.344	345.048.564.254
Tăng vốn trong năm trước	400.000.000.000	(194.400.000)	-	-	399.805.600.000
Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	-	-	20.845.680.117	20.845.680.117
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	652.000.000.000	(194.400.000)	840.866.910	113.053.377.461	765.699.844.371
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi/(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	7.626.211.796	7.626.211.796
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	652.000.000.000	(194.400.000)	840.866.910	120.679.589.257	773.326.056.167

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	541.202.100.000	83,01	541.202.100.000	83,01
Ông Nguyễn Minh Nhật	28.168.150.000	4,32	28.168.150.000	4,32
Các đối tượng khác	82.629.750.000	12,67	82.629.750.000	12,67
Cộng	652.000.000.000	100,00	652.000.000.000	100,00

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	652.000.000.000	252.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	400.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	652.000.000.000	652.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	65.200.000	65.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	65.200.000	65.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	65.200.000	65.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.200.000	65.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	65.200.000	65.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ**a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- USD	171,01	171,01
- EUR	215,71	215,71

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trung tâm Kinh doanh Địa ốc và Đầu tư Phát triển Công nghệ 579	5.319.868.330	5.319.868.330
- Công ty Cổ phần Xây lắp Coma 25	1.284.246.975	1.284.246.975
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô	15.418.000	15.418.000
- Công ty TNHH Thống Nhất	850.800.000	850.800.000
Cộng	7.470.333.305	7.470.333.305

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Doanh thu bán hàng	525.535.791.722	1.197.765.710.686
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.666.162.040	1.881.946.509
- Doanh thu hoạt động xây lắp	294.248.849.206	301.903.697.716
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	8.578.871.594	7.343.818.370
Cộng	836.029.674.562	1.508.895.173.281

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	509.381.131.945	1.186.063.577.241
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.793.463.752	1.548.584.089
- Giá vốn của hoạt động xây lắp	264.592.370.301	252.266.161.523
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	4.686.051.539	4.590.875.468
Cộng	782.453.017.537	1.444.469.198.321

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	133.160.528	22.885.769
- Lãi chênh lệch tỷ giá	661.540.503	-
Cộng	794.701.031	22.885.769

04. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Lãi tiền vay	30.338.491.070	31.698.632.351
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	16.319.781	-
Cộng	30.354.810.851	31.698.632.351

05. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Tiền thưởng được nhận	100.000.000	-
- Các khoản khác	144.647	16.716.771
Cộng	100.144.647	16.716.771

06. Chi phí khác

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Hạch toán điều chỉnh công nợ do khấu trừ vật tư	31.983.729	-
- Các khoản bị phạt	105.449.917	-
- Các khoản khác	6.346	1.081.777
Cộng	137.439.992	1.081.777

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	14.104.008.036	16.758.665.166
- Chi phí nhân viên quản lý	5.092.935.459	7.499.285.234
- Chi phí vật liệu quản lý	263.314.668	520.032.399
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.316.420.546	984.465.748
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	227.871.600
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.437.061.521	3.199.829.982
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.991.275.842	4.327.180.203
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	-	-
Cộng	14.104.008.036	16.758.665.166

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (*)	2.249.032.028	3.299.111.034
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.249.032.028	3.299.111.034

(*) Chi tiết xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.875.243.824	16.007.198.206
Các khoản điều chỉnh tăng	1.369.916.317	488.356.963
- Chi phí phạt hành vi phạm hành chính	105.449.917	-
- Chi phí khấu hao tương ứng với phần nguyên giá ô tô trên 1,6 tỷ	731.888.580	-
- Chi phí không hợp lệ khác	532.577.820	488.356.963
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	11.245.160.141	16.495.555.169
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	2.249.032.028	3.299.111.034
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	2.249.032.028	3.299.111.034

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	7.626.211.796	12.708.087.172
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.626.211.796	12.708.087.172
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	65.200.000	31.829.834
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	117	399

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	7.626.211.796	12.708.087.172
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.626.211.796	12.708.087.172
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	65.200.000	31.829.834
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	117	399

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.120.197.043	28.316.105.359
- Chi phí nhân công	18.743.045.174	12.181.236.982
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.032.924.407	1.461.209.619
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.473.061.075	3.249.532.178
- Chi phí khác bằng tiền	2.446.321.384	4.595.999.116
- Chi phí dự phòng	-	-
Cộng	270.815.549.083	49.804.083.254

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Chức vụ	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch HĐQT	-	-	-
Ông Nguyễn Minh Nhật	Thành viên HĐQT	-	-	-
Ông Nguyễn Anh Quân	Thành viên HĐQT	-	-	-
Bà Trương Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc	720.000.000	-	720.000.000
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	240.000.000	-	240.000.000
Bà Nguyễn Hải Yến	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 01/4/2023)	176.250.000	-	176.250.000
Ông Nguyễn Văn Trường	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ ngày 01/4/2023)	95.500.000	-	95.500.000
Cộng		1.231.750.000	-	1.231.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Chức vụ	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ trước				
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch HĐQT	-	-	-
Ông Nguyễn Anh Quân	Thành viên HĐQT	-	-	-
Ông Nguyễn Minh Nhật	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm Tổng Giám đốc từ ngày 03/3/2022)	315.000.000	-	315.000.000
Bà Trương Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 28/02/2022)	305.000.000	-	305.000.000
Ông Nguyễn Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	230.000.000	-	230.000.000
Bà Âu Thiên Hương	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/8/2022)	108.750.000	-	108.750.000
Ông Nguyễn Văn Trường	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ ngày 01/4/2023)	92.755.750	-	92.755.750
Bà Nguyễn Tuấn Trang	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ ngày 31/12/2021)	211.377.273	-	211.377.273
Cộng		1.262.883.023	-	1.262.883.023

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động xây lắp thi công điện
- Lĩnh vực 2: Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực 3: Lĩnh vực khác

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động thi công xây lắp điện	Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực khác (dịch vụ; cho thuê, kinh doanh bất động sản)	Cộng
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	294.248.849.206	525.535.791.722	16.245.033.634	836.029.674.562
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Doanh thu tài chính	279.702.827	499.556.234	15.441.970	794.701.031
- Chi phí phân bổ bộ phận	280.240.087.951	537.328.346.373	9.343.402.100	826.911.836.424
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	14.288.464.082	(11.292.998.417)	6.917.073.503	9.912.539.169
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	1.392.895.618	2.487.746.352	76.899.659	3.957.541.629
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.439.856.118	2.571.618.979	79.492.277	4.090.967.374
Số dư cuối kỳ này				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.153.084.353.298	806.057.767.324	36.024.218.979	1.995.166.339.601
- Tài sản không phân bổ				19.174.516.681
Tổng tài sản	1.153.084.353.298	806.057.767.324	36.024.218.979	2.014.340.856.282
- Nợ phải trả bộ phận	620.143.266.879	584.093.921.545	28.846.920.533	1.233.084.108.957
- Nợ phải trả không phân bổ				7.930.691.158
Tổng nợ phải trả	620.143.266.879	584.093.921.545	28.846.920.533	1.241.014.800.115

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động thi công xây lắp điện	Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực khác (dịch vụ; cho thuê, kinh doanh bất động sản)	Cộng
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	301.903.697.716	1.197.765.710.686	9.225.764.879	1.508.895.173.281
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Doanh thu tài chính	4.579.045	18.166.795	139.929	22.885.769
- Chi phí phân bổ bộ phận	269.321.182.970	1.216.524.271.389	7.081.041.479	1.492.926.495.838
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	32.587.093.791	(18.740.393.908)	2.144.863.329	15.991.563.212
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	44.518.419	176.621.340	1.360.422	222.500.181
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	673.083.421	2.670.375.514	20.568.511	3.364.027.446
Số dư cuối kỳ trước				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.087.097.655.511	2.456.083.691.718	29.746.247.201	3.572.927.594.429
- Tài sản không phân bổ				22.109.544.395
Tổng tài sản	1.087.097.655.511	2.456.083.691.718	29.746.247.201	3.595.037.138.824
- Nợ phải trả bộ phận	607.825.897.137	2.211.163.744.428	14.446.398.990	2.833.436.040.556
- Nợ phải trả không phân bổ				3.844.446.840
Tổng nợ phải trả	607.825.897.137	2.211.163.744.428	14.446.398.990	2.837.280.487.396

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.174.516.681	-	34.969.766.460	-	(*)	(*)
Phải thu về cho vay	1.272.000.000	-	-	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.145.435.097.444	6.544.555.640	440.150.465.976	6.544.555.640	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	(*)	(*)
Cộng	1.165.881.614.125	6.544.555.640	475.120.232.436	6.544.555.640		

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	524.123.851.267	624.531.219.307	(*)	(*)
Vay và nợ	582.193.086.039	573.446.879.406	(*)	(*)
Chi phí phải trả	8.690.237.695	3.350.763.439	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	8.355.710.604	6.537.177.620	(*)	(*)
Cộng	1.123.362.885.605	1.207.866.039.772		

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	524.123.851.267	-	-	524.123.851.267
Vay và nợ	582.193.086.039	-	-	582.193.086.039
Chi phí phải trả	8.690.237.695	-	-	8.690.237.695
Các khoản phải trả khác	8.355.710.604	-	-	8.355.710.604
Cộng	1.123.362.885.605	-	-	1.123.362.885.605
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	624.531.219.307	-	-	624.531.219.307
Vay và nợ	573.446.879.406	-	-	573.446.879.406
Chi phí phải trả	3.350.763.439	-	-	3.350.763.439
Các khoản phải trả khác	6.537.177.620	-	-	6.537.177.620
Cộng	1.207.866.039.772	-	-	1.207.866.039.772

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP và Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Bùi Thị Thúy Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Hải Yến

Tổng Giám đốc



Trương Thị Thu Hiền

